

**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHẬP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐÍNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN.**

Kinh Xa-Ni-Sa

<blockquote>Kalama tri ân bạn buithibuukim ghi chép.</blockquote>

[04/02/2022 - 07:31 - buithibuukim]

KINH TRƯỜNG BỘ - KINH XA-NI-SA (Janavasabhasuttam)

Chào quý vị. Hôm nay chúng ta học Kinh Janavasabha.

Chữ ‘jana’: thiên hạ, đám đông, con người.

Chữ ‘usabha, osabha, avasabha’: con bò chúa, bò đầu đàn = kiệt xuất, xuất chúng, quán thế, cái thế.

Janavasabha: nhân kiệt (nhân vật kiệt xuất đứng đầu đám đông).

Trong tiếng Hán vua của loài cây = sỏ, vua của loài thú = hùng, vua của loài hoa = anh. -> anh hùng: vừa mạnh vừa đẹp. Đứng đầu đám đông loài người = kiệt

Hậu thân của vua Tần Bà Sa La (Bimbisara) có tên là Janavasabha vì ông đứng đầu 110.000 người thính chúng. Trong buổi giảng đó ông chứng Tu đà hườn, sau đó bị giết chết. Khi ông sanh về cõi Tứ thiên vương thì làm Dạ Xoa phụ tá cho Tỳ Sa Môn Thiên Vương (Vessavana: Tỳ Sa Môn = vị Đại Lực Quý Vương hầu cận) và được hội chúng Dạ Xoa cõi Tứ Thiên Vương gọi ông cũng là tên Janavasabha vì xuất thân rất đặc biệt của ông: 7 kiếp làm vua ở cõi người liên tục. Sau đó làm Đại Quý Vương 7 kiếp liên tục ở cõi Tứ Thiên Vương, tổng cộng 14 kiếp liên tục không bị đọa.

Trong đây chúng tôi giải thích theo Sớ giải. Tôi nhớ có lần giảng Kinh Đại Bát Niết Bàn chúng tôi có nhắc qua chuyện này. Tức là có lúc cả hai xứ Anga và Magadha (Ma Kiệt Đà) cư sĩ chứng Thánh rất đông, hàng triệu người. Với phước báo đó họ không mang thân nhân loại nữa mà họ từ trần hàng loạt. Cho nên có một thời gian dài mấy chục năm hai xứ này hoang vắng giống như không người. Bà con có thấy trong Chánh Kinh có câu đó hay không? Ngài A Nan tận mắt thấy người ta lũ lượt đi chùa nghe Pháp, rồi cúng dường Đức Phật và chư Tăng, rồi làm các công đức lớn nhỏ ngoài xã hội. Ngài thấy vậy nên ngài tin họ có một chỗ đi về không tẻ. Tuy nhiên muôn chắc ăn nên ngài vào hỏi Phật. Ngài hỏi hết người này người kia, trong đó ngài nhớ đến một người ngài hỏi: Bạch Thế Tôn có một số cư sĩ ở đây, có một số cư sĩ ở kia, một số cư sĩ ở chỗ nọ, đặc biệt trong đó có vua Tần Bà Sa La là một minh quân, thánh chúa, làm phước độ dân giúp bá tánh, bây giờ chết rồi ông đi về đâu, những chuyện này chưa được nghe Thế Tôn nói đến sanh thú (chỗ đi về, chỗ tái sanh) của mấy người này.

Phật nghe vậy ngài không trả lời gì. Ngày hôm sau đi bát về Ngài ghé một chỗ thanh vắng vào nghỉ trưa trong một ngôi nhà gạch bỏ hoang. Xong chiều về gặp ngài A Nan Ngài mới kể lại: Hôm qua A Nan có hỏi Như Lai chỗ tái sanh của mấy người kia. Hôm nay sau giờ khất thực Như Lai về chỗ ngôi nhà gạch bỏ hoang. Rồi Ngài kể một chi tiết đặc biệt là lúc Ngài nhập định quan sát chỗ tái sanh của những người cư sĩ trong các xứ lân cận, thì Ngài nghe tiếng nói: “Bạch Thế Tôn, con là Janavasabha” thì Đức Phật biết ngay đó là hậu thân của vua Tần Bà Sa La.

Ông kể hầu Phật câu chuyện một buổi gặp mặt của chư Thiên, Phạm thiên cõi Đạo Lợi. Trong Chánh Kinh bà con thấy rồi, ở đây tôi kể thêm một số chi tiết thôi. Đó là chư thiên cõi thấp không

thể nhìn thấy chư thiên cõi cao. Dục thiên không thể nhìn thấy Phạm thiên. Nên vị ở cõi cao muốn cho vị cõi thấp thấy mình thì phải hóa hiện thô tướng (sắc pháp của các chúng sinh ngũ uẩn lên cõi càng cao thì càng vi tế). Làm cho nó thô giống như cõi mình đang có mặt. Thí dụ cõi Tứ thiên vương thô hơn cõi Đao Lợi nhưng nó tế hơn cõi người. Cõi Đao Lợi thô hơn cõi Dạ Ma nhưng tế hơn cõi Tứ thiên vương. Tế có nghĩa là thành phần vật chất khó thấy hơn. Phạm thiên mà muốn cho Dục thiên thấy thì phải hóa hiện thân tướng thô lậu một chút, nặng nề một chút.

Trong Chánh Kinh có kể một chuyện. Trước hết ông nói về ông trước, là con đã 17 kiếp liên tục không bị đọa. Nhờ Thế Tôn mà lúc còn phàm phu con đã chứng Dự lưu. Bây giờ con đang nỗ lực tu tập để chứng quả vị cao hơn. (Chỗ này nói rằng khi vua đến gặp Phật thì vua đã là Tu đà hườn, nhưng ở chỗ khác thì nói trước khi vua chết, lúc trong nhà ngục vua đã đắc Nhất Lai. Báo trước cho bà con biết có hai dị bản như vậy).

Ở đây xác định rằng vua nói con đang tha thiết để trở thành vị Nhất Lai. Chú giải nói một câu thú vị đáng để mình lưu ý: thế nào là tha thiết? – Tha thiết trong sự tu tập đây có nghĩa là mỗi ngày hành giả phải có niềm tin rằng hôm nay mình sẽ chứng Đạo: Ajjeva ajjeva pativijhissami. Với tâm niệm đó mới gọi là tha thiết, (asa: niềm tha thiết = mỗi ngày hành giả phải tâm niệm rằng hôm nay mình sẽ chứng Đạo. Với tâm niệm đó mới được gọi là tha thiết). Mình thì không tin lắm. Như mình nghĩ kiếp này đắc không được, tu là để gieo duyên thôi.

Tôi cũng nhớ tôi đã nói rất nhiều lần là tại sao mình phải tu tập chánh niệm thường trực trong từng sinh hoạt lớn nhỏ. Là vì 3 lý do:

- Một là mình không biết thực ra mình có khả năng chứng Đạo lúc nào. Cho nên mình dễ duôi là mình đã bỏ lỡ cơ hội. Trường hợp này trong Kinh có nói rất nhiều. Có những trường hợp người ta đến hầu Phật xong người ta đi. Thì đức Phật ngài dạy là : Này các tỳ kheo, LỄ RA khi nãy cái người hỏi nãy họ có thể đủ duyên chứng quả, nhưng vì làm sao, làm sao đó.... Lẽ ra ...

Chẳng hạn lần đó vua A Xà Thế đến hầu Phật, nghe Kinh xong lạy Phật rồi vua đi về. Đức Phật nói với chư tăng là hồi nãy nêu A Xà Thế không bị tội giết cha thì A Xà Thế đã đủ duyên chứng Sơ quả. Hoặc trong Kinh nói con voi Nalagiri là Phật tương lai. Khi voi bị chuốc rượu cho say chạy đến chặn đường Thế Tôn lúc Ngài đang đi khát thực, Ngài nói một vài câu với voi (nói bằng năng lực của một vị Phật). Ngài nói ngắn gọn là “Voi chúa không có hại voi chúa. Hãy nhớ kể từ nay người không phải là ‘ngọn đồi lau’ nữa (Nalagiri) mà là tên Anattapala (người giữ cửa). Người có nhiều tài sản quý lắm, có chiều dày ba la mật rất là sâu, còn một đoạn đường đi nữa”. Kinh nói nếu mà mang thân người và nếu không có tâm nguyện thành Phật thì ngay khi đó Tu đà hườn rồi. Kinh khủng vậy, sức nhận thức của con voi lúc đó đủ để Tu đà hườn! Dĩ nhiên chuyện đó không bao giờ có, bởi vì voi là vị Bồ tát mà, sẽ thành vị Phật tương lai.

Còn vua A Xà Thế mãi đến khi gặp Phật Thích Ca Mâu Ni thì vua vẫn chưa có tâm nguyện Độc giác. Nhưng vì vua bị cản trở bởi trọng nghiệp quá nặng là giết cha mà cha lại là đấng Từ Phụ, người cha lành mà lại là một bậc Thánh nữa. Nghiệp quá nặng nên kiếp này vua không đắc chứng được. Đã vậy sau khi trái đất này hủy rồi, hoại mất rồi trải qua một a tăng kỳ không có Phật ra đời, nên lúc đó đầu công phu tu hành của vua A Xà Thế có ghé góp cách mấy cũng không đắc Đạo, bởi vì không có Chánh Đẳng Giác thì đắc với ai. Thế là khi duyên lành sâu dày quá thì tự động đương sự sẽ chuyển nguyện. Có những vị khởi đầu là muốn Độc Giác. Cũng có những vị do chờ lâu quá, ba la mật dày quá thì vị đó tự nhiên chuyển nguyện. ‘Chuyển’ đây có nghĩa là tự nhiên chỉ mong đắc càng sớm càng tốt thôi. Không mong chờ đợi gặp vị Phật nào hết. Nếu vị đó tu rất ráo thì sẽ thành Độc Giác. Còn nếu tu tà tà thì phải chờ hết a tăng kỳ đó có vị Phật nào ra đời thì mới chứng Thịnh Văn. Tôi đã giảng phần này không biết bà con còn nhớ không?

Thì ông này kể lại có một lần đó trên cõi trời có một cuộc đại hội. Kinh ghi: “Bạch Thế Tôn những ngày xưa nhân đêm rằm thì trong tháng nhập an cư mùa mưa toàn thể chư thiên”. Trong Chú giải có nói trong thời kỳ có Phật ra đời thì chư thiên Đao Lợi có 4 trường hợp tụ hội:

- Một là trước mùa an cư của chư tăng (Vassupanayikasangahattha).
- Hai là ngày ra hạ của chư tăng (Pavaranatthasangahattha).
- Ba là tụ hội mỗi tháng để nghe vị nào đó thuyết Pháp (Dhammassavanattha)
- Bốn là để cùng nhau vui chơi dưới gốc cây Paricchattaka (Paricchattakakilanubhavanattha).

Tụ hội trước mùa an cư của chư tăng, thì ‘chư tăng’ đây phải hiểu ngầm là chơn tăng, Thánh tăng, là những vị trong sạch 100% mới cảm được chư thiên trên đó. Trước mùa an cư chư thiên mới tụ họp lại, để coi năm nay chư tăng nhập hạ ở đâu, được bao nhiêu vị để cùng nhau hộ trì các vị đó.

Trường hợp 2 là chư tăng ra hạ, là ngày các vị về hầu Phật và trình lên Phật là mình đã đắc chứng cái gì. Chư thiên cũng để ý cái đó. Họ tụ họp ở trên để để ý chuyện đó dưới này.

Tiếng Pali kêu ‘pavarana’ là ngày tự tứ. Từ động từ là ‘pavareti’ nghĩa là ‘yêu cầu’.

Tức mỗi lần an cư 3 tháng xong thì các vị tỳ kheo ngồi lại với nhau, đọc câu Kinh Pali yêu cầu nhau chỉ lỗi cho mình, là trong suốt 3 tháng qua tôi có làm gì, có nói gì mà chư tăng thấy phạm luật, thấy cần nhắc nhở thì xin chư tăng chỉ điểm cho để tôi sửa chữa. Từng vị từng vị phải nói lên lời yêu cầu rõ ràng cụ thể điển hình như vậy. Chư tăng nhắc ở 3 tháng qua chư tăng nhắc sư làm sao làm sao đó hoặc là 3 tháng đó sư ok, thí dụ vậy. Nếu chư tăng im lặng thì thôi không có gì hết.

Chữ ‘paravana’ Tàu dịch là ‘Tự tứ’, ở đây tôi dịch đơn giản là ngày ra Hạ thôi, nhưng mình phải hiểu ngầm tại sao ngày họ coi nặng cái này. Bởi ngày đó chư tăng sám hối với nhau, đồng thời cũng là ngày các vị về hầu Phật, trình lên Phật thành quả tu học của mình trong hơn ba tháng qua.

Trường hợp ba là Dhammassavanattha là vì một thiên tử nào đó, (thiên tử là một vị trời có nhiều phước báo) hay Phạm thiên thuyết Pháp mỗi tháng. Dưới đây mình có Pháp lệ thì trên đó cũng có. Có vị nào chia sẻ với thiên chúng thì vị đó sẽ ngồi ở chỗ trang trọng nhất để thuyết Pháp. Có khi không phải chư thiên ở cõi Đạo Lợi mà là một vị Phạm thiên nào đó có mặt để thuyết Pháp.

Trong bài Kinh này nói lần đó khi chư thiên tụ họp vậy thì họ thấy một luồng ánh sáng từ phương Bắc xuất hiện. Đây là dấu hiệu cho biết Phạm thiên sẽ có mặt. Họ dặn nhau Phạm thiên tới muốn ngồi chỗ nào thì cứ để vị đó ngồi, và họ hiểu ngầm với nhau là Phạm thiên lựa chỗ nào ngồi gần mình nhất mình sẽ được vui, bởi họ coi Phạm thiên là khách quý. Ở cõi trời khác cõi người chỗ này: Ở cõi người thằng Tèo giỏi hơn thằng Tý thì đôi khi thằng Tý nó không biết, trừ phi nó tiếp xúc lâu ngày hoặc cái tâm nó để ý thì thằng Tý biết thằng Tèo giỏi hơn nó. Rồi thằng Tý phước báo nhiều hơn thằng Tèo thì Tèo đôi khi cũng không biết.

Trong khi trên cõi trời lại khác. Chuyện người ta nhiều vật chất hơn mình thì mình nhìn mình biết đã đành, nhưng mình biết rõ người này nè đức hạnh nhiều hơn mình. Còn ở cõi người không có. Ở cõi người nếu không vì người đó nổi tiếng hoặc do mình tiếp xúc lâu ngày, hoặc không phải do tiếng đồn, dư luận thì mình gặp người đó ngoài đường lơ lơ lần đầu tiên gặp mặt thì mình không biết. Chư thiên thì lần đầu gặp nhau đã biết ngay người đó hơn, thua mình về mặt nào. Đó là lý do tại sao chư thiên cõi Đạo Lợi họ đối với Phạm thiên có sự tôn trọng. Là bởi vì họ biết vị này ly dục. Họ biết những vị này trí tuệ hơn mình, đức hạnh hơn mình sống lâu hơn mình mấy trăm ngàn lần. Người ta tuổi thọ tính bằng kiếp trái đất, còn mình tính bằng số triệu. 36 triệu năm nhân loại mà so với tuổi thọ 1 kiếp trái đất thì chẳng nghĩa lý gì hết, bởi tuổi thọ trái đất tính bằng tỷ; nên họ nể lắm! Hôm nay trong Pháp Hội này tại cõi Đạo Lợi, theo lời ông Dạ Xoa Janavasabha kể hầu Phật rằng, lần đó Phạm thiên Sanankumara xuất hiện và thuyết Pháp một loạt đề tài giáo lý quan trọng:

1/ Nội dung Phạm thiên Sanakumara thuyết giảng thứ nhất.

Phạm thiên này ngồi vào ngai vàng của vua Đế Thích (ngai vàng có tên đặc biệt là kambali. Kinh nói ngai này không có người ngồi thì nó cao lắm, nhưng có người ngồi thì nó có thể lún xuống 50 do tuần.

Vị này xác định rằng Thế Tôn đã giúp nhiều người sinh thiên, thấp nhất cũng là Càn thát Bà (gandhabba). Càn thát bà gồm nhiều hạng. Sở thích là chìm đắm trong âm thanh và mùi hương. Về âm thanh họ là những nhạc sĩ thiên giới. Còn mùi hương họ thích mùi hương của các thứ hoa, trái, lá, củ, rễ thực vật và sống trong đó.

Chữ ‘gandha’ là ‘mùi’. Chữ gandhabba cũng có nhiều nghĩa. Về trú xứ họ là người đặc biệt thích mùi hương các loại trái, các loài hoa, lá, củ, rễ thực vật, có khi họ sống trong đó. Dĩ nhiên Càn thát bà ở cõi cao như Đạo Lợi hoặc cõi tứ thiên vương, họ có lầu đài riêng họ chỉ thích nhạc thôi. Nhưng Càn thát bà từ cõi Tứ thiên vương trở xuống cõi người thì họ có thể sống trong các củ, lá, hoa trái, rễ cây. Nhiều khi mình đốn cái cây đó là mình đã phá chỗ ở của họ. Nếu họ có phước riêng thì họ sẽ có một trú xứ mới. Còn nếu phước họ kém quá thì họ sẽ đi theo cái cây đó họ về nhà mình. Có nghĩa là mình đóng tủ, bàn, giường thì họ sống luôn trong đó. Đây cũng là lý do để ta thấy rằng

trong Kinh cấm vị tỳ kheo không được đốn cây. Do một là xâm phạm chỗ ở của chúng sanh khác mà mình không thấy. Thứ hai là mình không tôn trọng mầm sống, như vị tỳ kheo ăn trái cây mà hủy hoại cái hột trong trái đó cũng không được. Nên theo Luật, thí chủ muốn cúng dường cho đúng thì khi dâng trái cây phải làm động tác nhỏ gọi là tịnh tác (kappiya), nghĩa là lấy dao gọt nhẹ ngang chút xíu trên cái chóp giống như đã hủy rồi. Thứ ba vị tỳ kheo nếu sống đúng theo tinh thần nguyên thủy là vị đó có lý do nào để tàn phá thực vật? Bởi vì tỳ kheo sống chủ yếu bằng đi bát, sau đó về chuyên tâm thiền định, còn trú xứ chỉ là chỗ qua đêm, trú mưa nắng, còn ngoài ra thì thôi cũng không ăn đời ở kiếp một chỗ, cũng không mất thì giờ để chăm sóc thân thể, y áo, chỗ ở của mình. Bản thân tỳ kheo chỉ cần sạch sẽ, gọn gàng. Vật dụng tỳ kheo chỉ có 8 món (tam y quả bát, kim chỉ, vải lọc nước, dao cạo tóc). Do đó tỳ kheo không có nhu cầu đốn phá, hủy hoại cây này cây kia. (Coi thêm quyển “Chúng sanh và sanh thú” – Giác Nguyên)

2/ Nội dung thứ hai Phạm thiên thuyết giảng:

Nói về bốn thần túc (Iddhipada) những nhân tố tối cần để hoàn thành Đạo nghiệp. Đạo nghiệp đây là thiền định, Đạo quả và cả Pháp học Pháp hành nói chung tất cả Thiện Pháp.

Có nghĩa là muốn hoàn tất cái gì thì trước tiên phải có: chanda: là sự tha thiết + viriya: sự nỗ lực đúng mức + citta: dụng tâm đúng mức.

Dụng tâm đây theo A Tỳ Đàm là tất cả tâm thiện hiệp thế và siêu thế. Nghĩa là mỗi vị phàm hay Thánh muốn làm gì là phải có cái chủ tâm. Phàm phu mình học Đạo bằng tâm cầu danh cầu lợi tức là học bằng tâm tham. Nếu là tâm tham thì không gọi là tâm như ý túc được. Bởi Tâm như ý túc là tâm thiện (tâm thiện hiệp thế và siêu thế). Mình đi qua Miền Điện dựng chùa, cất liêu, xây cốc, học Tam Tạng, học Pali, học giáo lý rồi đi hoằng Pháp, hướng dẫn vận động chỗ này chỗ kia mà bằng cái tâm cầu danh cầu lợi thì cái đó không phải là Tâm như ý túc.

Do đó muốn hoàn thành Đạo nghiệp trước hết là phải có lòng tha thiết. Hai là phải có sự nỗ lực đúng mức. Ba là có dụng tâm đúng mức. Bốn là phải có trí tuệ đúng mức (vimamsa). Kinh nói muốn đắc thiền tối thiểu là Cận định thì cũng phải có Tứ như ý túc này:

Iddhi: ý muốn, thần thông

Pada: nền tảng, cơ sở

-> Iddhipada: nền tảng hay cơ sở để hoàn thành tâm nguyện nào đó trong thiện pháp. Sở dĩ Hán Tạng dịch là ‘Thần túc’ bởi vì ‘iddhi’ là thần thông cũng là ý muốn của người đắc Ngũ thiền sắc giới. Muốn đắc Ngũ thiền phải có Tứ, Tam, Nhị và Sơ thiền. Mà muốn đắc Sơ thiền thì phải tu thiền Chi. Mà muốn tu thiền Chi phải có bốn cái Dục, Cần, Tâm, Thâm:

- Dục như ý túc (chanda): sự thiết tha hành Đạo.

- Cần như ý túc (viriya): sự nỗ lực đúng mức. Chớ xiu xiu ỉn ỉn ầu ơ ví dầu làm sao mà được?

- Tâm như ý túc (citta): Phải thực hiện việc đó bằng tâm lành, phải có lý tưởng tốt.

- Thâm như ý túc (vimamsa): làm gì cũng phải có trí tuệ (ngay cả những việc nhỏ nhặt như đi vệ sinh hay xia răng cũng phải có cái trí trong đó).

Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn Đức Phật cũng đã xác nhận: Ta – Như Lai đã tu tập thành mãn cụ túc bốn pháp này (Dục, cần, tâm, thâm) cho nên nếu ta muốn ta có thể kéo dài tuổi thọ. Các vị có nhớ cái này không? Ngài nói hoài mà ngài A Nan không thỉnh Đức Phật trụ thế thêm nữa.

Như vậy bất cứ Đạo nghiệp lớn nhỏ, cao thấp, sâu cạn, rộng hẹp nào trong Phật pháp hay trong cuộc đời thì cũng thấy đều dựa vào 4 thành tố tâm lý rất đối quan trọng này.

3/ Nội dung thứ ba Phạm thiên thuyết giảng:

Nội dung Pháp thoại thứ ba này là ba con đường tu chứng (Okasadhigama). Gồm:

- Một, nhờ nghe Pháp mà không tiếp tục hưởng dục, sống ác nữa.

- Hai, nhờ nghe Pháp mà đời sống chuyên hóa từ thô sang tế.

- Ba, nhờ nghe Pháp mà biết phân biệt thiện ác.

Ba con đường tu chứng này nếu nói sơ qua thì hoặc là không hiểu, hoặc là thấy cũng thường quá. Nhưng Chú giải nói chỗ này rất sâu.

- Cách số (1): là ám chỉ trình độ Sơ thiền. Người chứng Sơ thiền thì lìa bỏ 5 dục. Chúng sanh trong đời có nhiều hạng. Hạng thứ nhất là sống chết, buồn vui trong 5 dục (chúng sanh dục giới). Hạng thứ hai có trình độ Đáo đại, tức biết lìa bỏ 5 dục. Họ thấy 5 dục nó lầy lưa, thấp kém, sống mà phải

đi kiếm cái này phải nhìn cái kia để nghe cái nọ, để ngửi cái khác nó thô lậu quá nên có người nhầm chán 5 dục. Họ chỉ sống bằng niềm vui của người Định mạnh và ly dục. Tại sao Định mạnh và Ly dục là vui? – Nhờ ly dục nên vị đó không còn bất mãn (vô sân) thứ gì ở đời. ‘Bất mãn’ đây là vị này không còn bị nắng gió mưa sương muối mòng làm cho bức mình. Vị này cũng không bị tiếng đời thị phi làm cho bức mình. Nói chung là không bức mình vì thất vọng, sợ hãi, ghen tuông hờn giận nữa (dĩ nhiên còn phàm nên ở mức độ tạm thời). Người ly dục thực sự không còn thích trong 5 trần, không bị cuốn hút hấp dẫn trong sắc đẹp, tiếng hay, vị ngon, xúc lạc, cho nên khả năng bất mãn, sợ hãi, ghen tuông không còn nữa. Sở dĩ biết Đạo rồi mà nghe người ta khen cũng khoái, nghe người chê cũng giận thì biết lúc đó khả năng ly dục của mình có vấn đề. Bởi trong Kinh nói rõ muốn chứng Sơ thiên anh phải ly dục. Bỏ 5 dục thì tự nhiên anh có được 5 Chi thiên. Bản thân 5 Chi thiên thì đối lập với 5 trần cái. Mà 5 trần cái trong đó có thích trong dục và bất mãn trong dục. Nên điều đầu tiên nhờ nghe pháp mà không tiếp tục sống ác nữa, không tiếp tục hưởng dục, không tiếp tục sân si, bất mãn nữa nghĩa là vậy.

- Cách (2), thứ hai, nhờ nghe Pháp mà đời sống tự chuyển hóa từ thô sang tế. Trong Kinh nói: đời sống chúng sinh nằm trong ba hành: thân hành là hơi thở ra vào. Khẩu hành là hai tâm sở Tầm, Tứ. Ý hành là thọ và tưởng cũng là 2 tâm sở.

Người chứng Nhị thiên (theo cách tính Kinh Tạng) thì không còn khẩu hành nữa (không còn Tầm Tứ). Người chứng Ngũ thiên không còn thân hành nữa (không còn hơi thở). Đây cũng là lý do mà các vị Thánh có thiên luôn tịch ngay sau khi ra khỏi tứ thiên. Bởi vì khi tâm nhập vô Tứ thiên thì hơi thở biến mất nên các vị thánh La hán chứng thiên luôn Niết bàn ở thời điểm này, vì các ngài không có tịch kiêu mà hức hức do phổi lấy hơi vô không được, lấy hơi lên, ngáp ngáp... Vị Thánh La Hán có Tứ thiên không tịch theo kiểu xấu đó, mà vị đó nhập vào Tứ thiên. Ở Tứ thiên cái tâm đó tế đến mức hơi thở không còn nữa. Không còn vì nó không còn cần nữa.

Nên Nhị thiên chấm dứt khẩu hành, Tứ thiên chấm dứt thân hành. Còn Ý hành sẽ chấm dứt khi vị Thánh nhập Thiên diệt thọ tưởng định. Khi không có tâm nữa thì cũng không còn thọ tưởng. Thọ Tưởng là hai khía cạnh nổi bật của tâm thức. Thọ là cảm giác, Tưởng là cái biết phản xạ theo kinh nghiệm. Tâm là phải biết cảnh, đối với người không có trí thì họ biết bằng sanna (tưởng) còn panna là trí. Dầu tâm của một vị Phật thì cũng phải có Tưởng, nhưng các ngài không có sống hoàn toàn trong cái biết của Tưởng như phàm phu. Mình khác bậc Thánh, mình còn phiền não chấp này chấp kia là vì cái panna của mình quá ít, quá thưa quá mỏng. Mình chủ yếu sống bằng sanna không thôi. Tôi nhắc lại cái biết của Tưởng là cần thiết cho tâm chớ không phải phàm thánh. Tuy nhiên phàm là chỉ sống hầu hết bằng tưởng thôi. Còn trong Hành uẩn của mình thường vắng mặt trí tuệ. Bậc thánh trong tâm cũng có Tưởng nhưng nó có như một thành tố bất khả ly của tâm, nhưng bên cạnh nó và trong Hành uẩn của vị Thánh thường xuyên có trí tuệ. Nhớ nhe, chớ không phải Tưởng uẩn là của phàm.

Cho nên: 1. Nhờ nghe Đạo mà người ta ly dục. 2. Nhờ nghe Đạo mà người ta đi xa hơn trong thiên định. 3. Nhờ nghe Đạo mà chứng thánh.

Chú giải còn nói thêm. Nhờ nghe Đạo mà tâm mình chuyển hóa từ thô sang tế. Ở số (1) chưa đắc thiên nhưng nhờ nghe Đạo mà được Sơ thiên. Ở số (2) nhờ nghe đạo từ Sơ thiên mình tiến lên các tầng thiên khác cao hơn. Ở sơ thiên không còn dục nhưng còn hỷ lạc và hơi thở. Ở tứ thiên thì không còn hỷ lạc, chỉ còn xả và hơi thở cũng mất. Như vậy càng tu tập càng chuyển hóa từ thô sang tế. Ở số (3) nhờ nghe Đạo mà phân biệt thiện ác. Cái này quá sâu, sâu dữ lắm!

Phân biệt thiện ác ở đây là biết rõ:

- THAM SÂN SI LÀ BẤT THIỆN so với tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ.
- Biết rõ thiên dục giới (thứ tâm tu thập thiện) là thấp kém so với tâm thiên sắc giới.
- Biết rõ tâm thiên sắc giới là thấp kém so với thiên vô sắc.
- Biết rõ thiên hiệp thế là thấp kém so với trí Sơ Đạo Tu đà hườn.
- Biết rõ trí hữu học là thấp kém so với quả vị La Hán.

Nghĩa là biết rõ đồng phân là vật đáng gớm. Tới chút nữa, biết rõ đồng phân đó so với miếng phân dính trong áo quần thì đồng phân đó nhiều chớ cái dính áo quần là không đáng kể. Sau đó biết thêm chút xíu phân dính áo quần tuy nó đỡ hơn đồng phân nhưng vẫn dở hơn cái áo chỉ có mồ hôi và

dính sinh. Sau đó biết cái áo dính sinh dính mồ hôi dầu sao vẫn còn dơ so với cái áo chỉ có chút xíu sinh mà không có mùi. Rồi cứ từ từ thì cái áo bị nhả dầu sao cũng không bằng cái áo trắng thơm có ủi có mùi long não, thí dụ vậy.

Cứ so từ từ thì phân biệt thiện ác ở đây nghĩa là:

- Biết rõ Phi phúc hành (12 bất thiện) là kém hơn Phúc hành (thiện dục & thiện sắc).
- Biết rõ Phúc hành là kém hơn Bất động hành (thiền vô sắc).
- Biết rõ Bất động hành là tội lỗi so với thánh trí.
- Mà thánh trí hữu học cũng còn chút lỗi lầm so với thánh trí vô học La Hán.

Trong ba nghĩa chuyên cần không dễ duôi: một là không coi thường điều ác nhỏ mà làm. Hai là không coi thường điều thiện nhỏ mà không làm. Thứ ba, không dễ người có nghĩa là dầu cho một chút dấu vết tái sanh thì cũng phải xem là đáng lia bỏ. Dầu sanh về cõi nào đi nữa, dầu có hiện hữu thì sự hiện hữu đó cũng còn là đáng trách, đáng lia bỏ.

Nội dung (3) này rất đặc biệt là vậy. Tức là nhờ nghe Đạo mà ta biết bỏ dục, bỏ ác. Thứ hai, nhờ nghe Đạo mà cái thiện từ thô sang tế. Thứ ba, quan trọng hơn, nhờ nghe Đạo mà ta lần lượt bỏ ác sang thiện đã đành, bỏ thiện thô qua thiện tế đã đành mà bỏ luôn thiện tế, bởi chứng quả La Hán thì không còn thiện ác.

Còn nhiều cách giải thích khác theo Sớ giải.

Ôn lại: Cách (1) là Sơ thiên. Cách (2) là Tứ thiên. Cách (3) là Thánh đạo.

- Câu (1) ám chỉ cho Giới học. Câu (2) ám chỉ Định học. Câu (3) ám chỉ Tuệ học.
- Câu (1) ám chỉ Sơ thiên. Câu (2) ám chỉ tất cả các tầng thiên từ nhị thiên đến Phi tướng phi phi tướng. Câu (3) ám chỉ quả vị La hán.
- Câu (1) ám chỉ nội dung Tạng Luật. Câu (2) ám chỉ nội dung Tạng Kinh. Câu (3) ám chỉ nội dung Tạng A Tỳ Đàm.

Tóm lại trong 3 con đường tu chứng vị Phạm thiên nói:

“ Một, nhờ nghe Đạo mà người ta lia ác, lia dục. Thứ hai nhờ nghe Đạo mà người ta chuyển hóa cái thiện từ thô sang tế. Thứ ba, nhờ nghe Đạo mà người ta phân biệt được cái gì là thiện ác”.

Cái phân biệt thiện ác ở đây rất sâu: Thấy rằng tham sân si là ác, thấy rằng thiện dục giới là thiện. -> Thấy rằng thiện mà còn kẹt trong dục nó là ác so với cái thiện liên hệ với thiên sắc giới. -> Mà thiên sắc giới nó vẫn còn kém hơn thiên vô sắc. -> Vị đó còn thấy rằng thiên vô sắc còn kém hơn Thánh trí bậc thấp. -> Thấy Thánh trí bậc thấp lại kém so với bậc cao.

Vậy phân biệt thiện ác đây có nghĩa tránh cái ác để chọn cái thiện đã đành, mà còn biết bỏ cái thiện thấp để lên cái thiện cao.

Xong phần định nghĩa rõ ràng rồi Chú giải còn ghi: “Tương truyền rằng một thời gian dài sau khi Đức Phật viên tịch thì rất đông các vị trưởng lão tôn túc vào mỗi mùa an cư hay đem bài Kinh này ra tụng đọc và đàm luận với nhau”. Bài Kinh này tuy ngắn gọn nhưng được xem nói toàn bộ nội dung Phật Pháp dễ hiểu dễ nhớ nhưt, và chúng tôi tuyệt đối đồng ý nhận xét này.

4/ Nội dung 4 vị Phạm thiên thuyết giảng:

Phạm Thiên nói về Bốn Niệm Xứ (phần này mình đã học, nay ôn lại):

- Thân quán niệm xứ: lấy sắc uẩn làm đề tài quán chiếu.
- Thọ quán niệm xứ: quán chiếu thọ uẩn, quán thân tâm.
- Tâm quán niệm xứ: quán chiếu hành uẩn.
- Pháp quán niệm xứ: quán chiếu cả 5 uẩn.

*Thân quán niệm xứ là hành giả quán niệm tất cả cái gì liên hệ tới vật chất trong tám thân này, bởi quán thân trong thân là như vậy. Biết rõ là mình đang đi, đứng, nằm, ngồi, nói, cười, tắm rửa, ăn uống, nhai, nuốt, cọ quậy, nhúc nhích, xê dịch, di chuyển. Là quán sát mọi sinh hoạt lớn nhỏ.

Thứ hai là quán sát bản chất của thân nó là gì? – Nó là đất, nước, lửa, gió, nó là dơ bất tịnh, là xương trắng, là tử thi.

Tiếp theo hành giả quán chiếu sắc uẩn bằng cách nhìn hơi thở để thấy vô thường của danh sắc. Hơi thở ra hơi thở vô là sắc pháp, mà lúc ra lúc vô đó là vô thường. Cái tâm của lúc hơi thở ra lúc hơi thở vô nó ra sao. Mình đang thở ra bằng tâm gì, đang thở vô bằng tâm gì. Tuy nói là quán chiếu

thân quán niệm xứ mà thực ra sắc pháp ở đây chỉ là cái ‘nền’ để quán chiếu cái khác. Tuy nhiên vì nó là cái nền cho nên được gọi là thân quán niệm xứ.

Tôi nói lại lần nữa: sở dĩ gọi là ‘thân’ (quán niệm xứ) ở đây bởi vì cái nền tảng của pháp môn đầu tiên này là lấy cái ‘thân này’ làm đề mục. Thân quán niệm xứ là chú ý hai khía cạnh của thân tức sắc uân: **BẢN CHẤT CỦA NÓ LÀ GÌ VÀ SINH HOẠT CỦA NÓ RA SAO.**

* Thọ quán niệm xứ: là để ý xem cảm giác của thân tâm đang ra sao: dễ chịu hay khó chịu. Nhìn để biết chúng có mặt và dần dần qua chúng hành giả thấy được tam tướng của chúng.

* Tâm quán niệm xứ là nhìn tâm đang cao thấp (dục hay thiền, thiện hay ác, phàm hay thánh). Lúc đầu nhìn để biết chúng đang có mặt. Sau đó để thấy rằng tam tướng của chúng. Chưa chứng Thánh thì sống trong niệm xứ để cầu chứng Thánh. Chứng Thánh rồi vẫn tiếp tục sống với sự quán chiếu 4 niệm xứ, vì hai lý do:

- Một, bậc thánh không còn gì để làm ngoài việc quan sát danh sắc.

- Hai, để Thánh thấp chứng được tầng Thánh cao hơn.

Tức là lúc đầu nhìn chúng để biết đang có mặt. Sau đó từ từ thấy cả tam tướng, 4 đề mục niệm xứ đều như vậy hết. Chớ đừng có ham bắt chước, coi sách ba mớ rồi xài quán chiếu rồi cái này là danh đi, sắc đi, cái này là sắc khó chịu hay dễ chịu. Đẹp, đẹp, đẹp, tôi ghét nhứt cái vụ đó. Làm ơn chánh niệm dùm! Làm ơn coi trong chánh Kinh Đức Phật không có nói ba cái vụ sắc đi, danh đi. Không có có! Mà tôi biết trong room này có người nghe nổi khùng lên vì quý vị đã được hướng dẫn vậy rồi. Nhưng tôi xin nói chung là ở trong chánh Kinh không có!

Chánh Kinh chỉ dạy mình sống sao biết vậy thôi, rồi lâu ngày khi cái niệm nó mạnh rồi, ba la mật nó đủ, chín muồi rồi, thì tự nhiên ngay trên cái nền tảng chánh niệm đó nó bật ra. Nó bật ra, bật ra: a thì ra, đây đây, cái này là vô thường, cái này là khổ, là vô ngã. Rồi, rồi, cái này là danh cái này là sắc. Cái thấy đó mới là chứng ngộ. Còn mà cứ ôm một đống Kinh, học như con kén: đất nước lửa gió, đất là cứng mềm nghe, nóng lạnh là lửa nghe, trương phồng di động là gió nghe, rồi tan chảy quên tụ là nước nghe. ... Học cho biết nhưng mà ÔM CÙNG NGẮC cái đó là sẽ bị CÁI SỞ TRI CHUỐNG. Làm ơn nhớ dùm là không thể nào có pháp hành mà thiếu pháp học. Tuy nhiên cái mà anh có được trong pháp thành (Đạo Phật có ba: pháp học, pháp hành và pháp thành), những cái anh thấy được khi anh chứng NÓ KHÔNG GIỐNG cái lúc anh học. Anh học để anh hành, chớ không phải học để biết mai một chứng cái gì. Bởi vì sao? – Bởi cái bậc Thánh họ thấy nó không giống như cái mình đã học dù NÓ KHÔNG MẪU THUẦN. Những gì bậc Thánh thấy không chống trái với Tam Tạng. tuy nhiên không chống trái không có nghĩa là nó giống. (Không biết nói trong room có hiểu không?). Các vị chưa uống cà phê mà tôi có tả cái gì đi nữa các vị cũng không tài nào hình dung ra cà phê, dù tôi có nói cà phê nó giống bắp rang, giống gạo rang, đậu rang, là nói cho vui vậy thôi chớ làm sao cà phê mà giống gạo rang bắp rang đậu rang được.

Thì ở đây cũng vậy. Buổi đầu làm ơn nhớ sống chánh niệm dùm, dĩ nhiên người có Giáo lý vẫn tốt hơn người mù tịt.

Thứ nhứt là phải có Giáo lý, thứ hai là có ba la mật đời trước. Hai cái này cộng lại thì tu tốt hơn. Còn không thì làm ơn nhớ dùm tập trung sống chánh niệm. Lâu dần khi chánh niệm mình nó mạnh rồi, không bỏ sót bất cứ chi tiết nào của thân, tâm, danh, sắc hết. Không bỏ sót! Nói nó quá, mình còn nhớ cả mình đêm nay mình đi vào giấc ngủ bằng hơi thở ra hay vào. Và buổi sáng khi cái niệm đầu tiên xuất hiện là mình biết rõ đó là hơi thở vào hay ra. Biết rõ là mình bỏ hai chân xuống khỏi giường bằng chân phải hay chân trái. Nhớ rõ như vậy! Niệm mạnh như vậy đó! Ngay cả lúc giựt mình chỉ có tích tắc là niệm quay trở lại liền thì cái niệm đó, cái niệm mà sắp chửi người ta mà thắng lại kịp, mình giơ tay tính chọt người ta mà rút tay lại kịp, cái niệm đó mới là cái niệm mạnh (tính nổi sùng lên mà kèm lại cái sùng nó mất đi). Khi niệm nó mạnh rồi thì CÁI TRÍ nó làm việc. Chớ làm ơn đừng có buổi đầu mà ôm áp lý thuyết nó nhiều quá, nghe!

Tôi nói rõ lại lần nữa: Tôi không dám chống lại mấy thiền sư, mà tôi kính cẩn nghiêng mình đề nghị kính thưa bà con: Tất cả lý thuyết của các vị thiền sư, đầu tiên là kinh nghiệm cá nhân. Và kinh nghiệm luôn gắn liền với dấu ấn cá nhân. Những gì là sở trường sở đoản của họ đều gắn vào trong kinh nghiệm đó. Và họ trao truyền cho mình kinh nghiệm đó thì mình hãy xem kinh nghiệm đó là TÀI LIỆU THAM KHẢO, chớ không nên coi nó là lương phương diệu dược, coi như là thần chú

hộ mệnh rồi sống chết với nó thì tôi xin nói rõ đó là tào lao. Bởi vì mỗi vị dạy thiền người ta có một kinh nghiệm riêng và kinh nghiệm đó nó được thiết lập, được xây dựng, được hình thành, được tạo ra từ nền tảng của bản thân. Mà đã gọi là nền tảng bản thân thì nó có một dấu ấn cá nhân rất nặng, rất sâu và rất đậm trong đó. Tôi có những vấn đề của tôi, tôi có những mặt mạnh mặt yếu của tôi nên khi tôi dạy thiền thì bắt buộc tôi phải kéo theo trong đó những mặt mạnh mặt yếu của tôi. Thí dụ như tôi là người uyên bác, tôi khoái pháp học thì khi tôi dạy thiền, cách dạy của tôi là nó mang, nó phảng phất cái hơi hướng của một thằng cha coi như uyên bác. Còn nếu tôi là vị thiền sư không coi nặng pháp học thì trong kiểu dạy của tôi nó phảng phất cái hơi hướng của người không giỏi pháp học. Nhớ nhe, nhớ cái này rất quan trọng!

Tôi nhắc lại lần nữa: căn bản vẫn là chánh Kinh của Đức Phật. Còn những kinh nghiệm, kể cả trong Chú giải thì cũng chỉ để tham khảo thôi. Tôi nhớ tôi cũng đã nói không biết bao nhiêu ngàn triệu lần đó là: TẠI SAO ĐỨC THẾ TÔN CÓ NHIỀU CHỖ NGÀI KHÔNG NÓI CHI TIẾT? – Bởi vì rất đơn giản Ngài là bậc Pháp Vương, nhà nhà người người ba cõi đều ngó Ngài, chăm bẵm nhìn Ngài, lắng nghe coi Ngài nói cái gì và xem lời Ngài khuôn vàng thước ngọc. Cho nên điều Ngài nói ra làm sao mà ai ai cũng có thể đem vào ứng dụng được. Mà nếu muốn trở thành một quy tắc chung thì nên tránh đi sâu vào chi tiết. Bởi vì khi càng vào sâu chi tiết thì càng đóng khung vấn đề. Không biết bà con hiểu cái này không ta?

Cách đây 2 ngày tôi cũng có giảng chỗ này. Thí dụ như trong chánh Kinh nói: muốn khỏe mạnh thì nên thường xuyên vận động tay chân và ăn nhiều rau trái, tránh đồ chiên xào, nước, cái nào ăn sống được ăn tươi được thì ăn, còn không thì nên hấp là tốt nhất. Còn Chú giải nói: ăn rau là tốt vì rau có tám muôn bốn ngàn loại rau mà trong các cách ăn rau gồm rau luộc, rau nấu canh, rau xào, rau ăn sống. Rồi trong các loại rau ăn sống gồm nhiều kiểu ăn trực tiếp hay bóp gói. Mà bóp gói nó có nhiều trường hợp gói chay gói mặn. Gói mặn thì mình bỏ thêm cái gì, gói chay thì bỏ thêm cái gì. Gói chay thì thêm dầu hào, dầu mè, giấm rồi chanh. Rồi chanh có nhiều loại chanh giầy chanh dây chanh cây v.v... cứ như vậy một hồi thay vì trong Kinh nói đơn giản: muốn khỏe thì các con thường xuyên vận động, ăn nhiều rau trái, tránh chiên xào nướng, dầu mỡ. Hết! Chánh tạng nói bao nhiêu đó mà khi mình đi quá sâu, càng đi vào chi tiết thì mình tự đóng khung vấn đề.

Thì các thiền sư là những người thích nói nhiều. Các vị bàn mịt mù trong khi Đức Phật nói rất đơn giản. Cái đơn giản của Ngài nhà nhà người người đều chấp nhận được hết. Còn khi anh đi sâu quá thì nó sẽ chối rất nhiều người, bởi họ không chịu nổi cái sâu của anh.

Bữa nay tôi nói hơi dài bởi vì chỗ này tôi nghĩ rằng nó quan trọng. Trong quyển ‘Chuyện phiếm thầy tu’ (2) chúng tôi sẽ đặc biệt có những bài viết rất ngắn, y như quyển (1) nhưng chúng tôi sẽ có những đề nghị nho nhỏ. Đó là cái thái độ cần có đối với Pháp học, Pháp hành, nghiên cứu kiểu gì, Kinh gì, tại sao... Rồi chúng ta nên có thái độ gì với các kinh nghiệm của thiền sư pháp sư giảng sư, lắng nghe nhưng không phải đem vô mình bất cứ thứ gì.

Tôi trở lại Tứ Niệm Xứ:

Thân quán niệm xứ là lấy Sắc uẩn làm đề tài chính. Buổi đầu quan sát bản chất và sinh hoạt của nó ra sao chỉ bằng chánh niệm rồi từ từ trên nền tảng đó cái Tuệ nó hiện ra.

Thứ hai, Thọ quán niệm xứ là biết rõ cảm giác thân tâm. Chỉ nhìn nó thôi lâu ngày thì trên nền tảng niệm đó cái Tuệ nó làm việc.

Thứ ba, Tâm quán niệm xứ, chỉ biết rõ đây là thiện ác, dục thiền, phàm thánh. Để cái niệm nó làm việc, lâu ngày đến một lúc nào đó cái Trí nó làm việc. Còn chuyện quán niệm sâu quá, nó mang tính chất bác học hàn lâm, từ chương lý thuyết quá thì coi chừng sụp đổ.

Thứ tư, Pháp quán niệm xứ này là sự tổng hợp của ba niệm xứ đầu tiên. Nghĩa là ở Thân quán là mình biết rõ đây là đi, đứng, nằm, ngồi. Còn ở Tâm quán là tâm thiện tâm ác. Ở Thọ quán, đây là thọ khổ thọ lạc. Còn ở Pháp quán niệm xứ thì nó chuyên nghiệp hơn: bực mình – biết rõ đây là Sân triền cái, nghe cái gì mà thích – biết rõ đây là Dục triền cái. Buồn ngủ – biết rõ đây là Hôn thụy triền cái. Vui trong thiện pháp – biết rõ đây là Hỷ giác chi. Nhìn vào khả năng định tâm – biết rõ đây là Định giác chi. Nhìn sự an tĩnh vắng mặt của các phiền não – biết rõ đây là Tĩnh giác chi.

Tôi nhắc lại, ở ba niệm xứ đầu các vị biết đây là người đàn bà, đây là người đàn ông, đây là ông cụ đây là bà lão, đây là đứa bé trai, đây là bé gái. Đó là ở ba niệm xứ đầu. Còn ở niệm xứ thứ tư thì

sao? – Đây là người đàn bà. Bà này là y tá của bệnh viện phụ sản Từ Dũ, biết chuyên nghiệp vậy. Đây là ông cụ, ông này là ông giáo già trường làng ở Hóc Môn, Bà Điểm, Bình Chánh, Cần Giuộc. Thăng bé này là học sinh cấp hai của trường Lê Quý Đôn, Bùi thị Xuân gì đó. Biết một cách chuyên nghiệp. Biết đây là ông kỹ sư cầu đường, kỹ sư Nông lâm, biết đây là bác sĩ về máu, về xương, phụ khoa, nhi khoa, biết rõ. Cái biết đó đòi hỏi phải có kiến thức chuyên môn.

Cũng giống như ba cái niệm đầu biết đây là tâm tham tâm sân, đây là thọ dễ chịu khó chịu, cái biết này không đòi hỏi kiến thức nhiều. Nhưng ở Pháp quán niệm xứ thì bắt buộc phải có Pháp học và cái trí phải bén. Biết rõ đây là Hỷ giác chi, Xả giác chi, biết đây là Dục triền cái, Sân triền cái, đây là nhân xứ, đây là nhĩ xứ.

Như vậy ở Pháp quán niệm xứ mình quán chiếu cả 5 uẩn gồm chung. Và phải nói rõ buổi đầu Tứ niệm xứ chỉ là NIỆM thôi (làm gì biết đó). Rồi dần dần TRÍ TUỆ nó làm việc. Các vị hỏi tôi làm việc kiểu nào thì tôi xin thưa: Anh biết rõ cái gì nó đang xảy ra anh đã là Thánh 50% rồi, anh đã là Á thánh rồi!

Trong Kinh nghiệm thiền quán có câu này:

“Gặp chuyện mà vẫn không thất niệm, đó là hành giả thiền sinh. Thường xuyên chánh niệm, đó là thiền sư. Mà luôn luôn chánh niệm, đó là Thánh nhân”.

Gặp chuyện mà không thất niệm, có nghĩa lúc giạt mình là niệm liền. Hoặc lúc khẩn cấp, giận quá, vui quá vẫn chực nhớ đề mà niệm thì đó là hành giả.

Nhưng đó là gặp chuyện vẫn niệm thì là thiền sinh. Còn thường xuyên chánh niệm thì là thiền sư.

Nên nhớ thời Đức Phật không có khái niệm ‘thiền sư’. Chữ ‘sư’ là nói theo thời này thôi (nghĩa là có khả năng dạy cho người khác). Phải nói rõ bên Miến Điện không có như bên Thái Lan hoặc các xứ khác trong đó có mình. Nghĩa là thích thì cứ gọi là ngài Pháp sư, ngài giảng sư, ngài thiền sư. Theo tôi biết chánh phủ và giáo hội có quy định rõ ràng, thuyết Pháp ai có khả năng thì thuyết nhưng tước hiệu, thí dụ như ngài Pa Auk Sayadaw ngài được gọi là Mahakammathanacariya, nghĩa là thiền sư. Thì cái này phải do Giáo hội và chính phủ họ chính thức công khai xác nhận. Nhớ cái đó, cái khái niệm này là của thời sau Đức Phật mới có. Đời xưa, một là học với Đức Phật, học với các vị thánh tăng. Còn không thì học với người nào sư huynh hay tiền bối đi trước mình.

5/ Nội dung 5 thuyết giảng: Bảy Pháp hỗ trợ Định học – Samadhiparikkhara

(ngài Minh Châu dịch là Bảy Pháp định tư lương)

Parikkhara: linh kiện, phụ tùng, thiết bị, điều kiện hỗ trợ = tools, supports, equipment = dụng cụ, phương tiện làm việc. Thí dụ sa môn có 8 món parikkhara (pháp cụ) gồm tam y, quả bát, dây lưng, kim chỉ, vải lược nước, dao cạo tóc.

Ở đây có 7 pháp hỗ trợ cho Định. **MỖI CHI ĐẠO TRONG BÁT CHÁNH ĐẠO LUÔN ĐƯỢC HỖ TRỢ BẰNG CÁC CHI ĐẠO CÒN LẠI.**

Có nghĩa là anh muốn có chánh mạng (sinh kế thanh tịnh), muốn hoàn tất chánh mạng này thì anh phải có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh định, chánh niệm, chánh tinh tấn.

Và anh muốn có chánh niệm thì anh cũng phải có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh định. Có nghĩa mỗi chi đạo trong Bát chánh đạo luôn được hỗ trợ bằng các chi đạo còn lại. Lúc đó, những chi đạo hỗ trợ được gọi là parikkhara.

Đây là bài Pháp thoại tôi cho là rất, rất quan trọng. Phải nói ông Phạm thiên này đã cho mình cái định nghĩa rất hay về Pháp sư. Pháp sư không phải là người nhớ nhiều, nói nhiều, nói hay hấp dẫn cuốn hút, không phải! Mà Pháp sư là người có khả năng nói gọn mà không thiếu gì hết, nói rộng mà vẫn có đường về chớ không tản mạn lạc lối. Nói ít hay nói nhiều vẫn luôn đưa ra được định hướng. Nói ít hay nhiều đều có thể một nội dung mà người ta lấy bỏ túi về làm của. Đó mới gọi là pháp sư. Chớ còn nói cho hay mà cuối cùng người ta không có cái gì bỏ túi thì không được gọi là Pháp sư.

Trong bài Kinh này ta phải nhận rằng ông Phạm thiên Sanankumara là vị Pháp sư đích thực. Nghĩa là chỉ trong có mấy tiêu mục của một Pháp thoại không dài lắm mà ông đã mở ra được một nội dung nhất quán, xuyên suốt của toàn bộ Tam tạng. Chẳng hạn ông mở ra ba con đường tu chứng: nhờ nghe Đạo mà bỏ dục lia ác. Nhờ nghe Đạo mà chuyển hóa cái thiện từ thô sang tế. Nhờ nghe Đạo mà bỏ luôn cả cái tế. Rất là độc đáo!

Có nghĩa ông giải quyết dứt điểm dòng chảy Duyên khởi: Do vô minh trong Tứ Đế mới có 3 hành. Từ ba hành mới có 32 quả Thức. Bây giờ ông giải quyết ngay cái khâu Hành. Ông nói rằng vị đó thấy rõ ‘ác’ là cái đáng tránh đã đành, mà cái thiện thấp cũng là cái phải lia bỏ. Và cái thiện cao cũng là cái đáng phải lia bỏ vì phải đạt đến mức độ không thiện không ác mới thực sự là hoàn tất Đạo nghiệp. Rất là xuất sắc!

Vị đó giảng như vậy cho chư thiên cõi Đạo Lợi nghe xong vị đó kết thúc thế này:

“Bằng 4 Dự lưu phân: niềm tin tuyệt đối vào Tam bảo và thành tựu Giới hạnh tuyệt đối (không vì lý do nào mà vi phạm) thì được gọi là Tu Đà hườn”.

Một bài Pháp rất là sâu! Giảng xong như vậy thì là thiên vương Tỳ sa môn Vessavana sau đó kể lại cho Dạ Xoa Janavasabha nghe. Và vị này đã kể hầu Thế Tôn tại ngôi nhà gạch. Và Thế Tôn kể lại cho ngài A Nan.

Như vậy chúng ta đã học xong bài Kinh Janavasabha mà dịch sang tiếng Việt là ‘Nhân kiệt’.

Ngày 16 chúng tôi về Mỹ. Ngày mai là buổi giảng cuối, rồi bắt đầu bữa nào chúng tôi sẽ thông báo sau. Ngay bây giờ không phải là sớm đâu đề quý vị bàn nhau coi sau Trường Bộ chúng ta sẽ học tiếp Kinh gì. Bây giờ là Kinh 18 đã xong, như vậy còn lại không nhiều (34 bài – 18). Đặc biệt hai bài Kinh cuối rất là dài, chiều dài bằng một Kinh rưỡi vì trừ ra nội dung trùng nhiều. Kinh Tệ Túc giảng nhanh, Kinh Đại Niệm xứ giảng nhanh chậm tùy duyên, Kinh Đế Thích sở vấn, nhanh. Kinh Đại hội học rồi, xem lại Lục đại chân Kinh (bà con thấy chưa, nó quá đặc biệt). Kinh Đại Điền tôn, học nhanh ...hai Kinh cuối, chậm, nghĩa là học lâu. Như vậy mình chuẩn bị sau Trường Bộ mình học cái gì.

Chúc các vị một ngày vui!/.

**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SƯ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN.**
